Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-10-19 08:05:58 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1951/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án "Tái cấu trúc các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia giai đoạn 2026 - 2035"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 193/TTr-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án "Tái cấu trúc các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia giai đoạn 2026 - 2035" (sau đây gọi tắt là Đề án), với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia là công cụ quan trọng để cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; các chương trình cần bám sát quy định của pháp luật, yêu cầu thực tiễn, tập trung giải quyết các bài toán lớn của đất nước nhằm nâng cao năng lực tự chủ công nghệ và tạo động lực tăng trưởng mới.

2. Rà soát, tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, đồng bộ, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải và chồng chéo đối với các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia còn hiệu lực do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt theo thẩm quyền; đồng thời tổ chức hệ thống các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia thuộc phạm vi Đề án giai đoạn 2026 - 2035 thành 06 nhóm để tạo sự kết nối chặt chẽ trong toàn bộ chuỗi từ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ đến ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, sản phẩm công nghệ.

3. Lấy doanh nghiệp làm trung tâm trong ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa; coi nhu cầu của thị trường và thực tiễn phát triển là thước đo, định hướng cho hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học là lực lượng nòng cốt trong tạo lập tri thức mới, phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; phát huy liên kết giữa Nhà nước, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp, tổ chức trung gian, quỹ và nhà đầu tư.

4. Chuyển đổi phương thức quản lý chương trình theo hướng dựa trên mục tiêu, kết quả, hiệu quả và tác động thực tế; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình; khuyến khích sáng tạo, chấp nhận rủi ro có kiểm soát phù hợp với đặc thù khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc tổ chức hệ thống thành các nhóm chương trình không làm phát sinh loại hình chương trình mới, cấp quản lý trung gian hoặc thủ tục hành chính mới và không làm thay đổi thẩm quyền đã được pháp luật quy định.

II. PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

Đề án rà soát, tổ chức hệ thống các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia còn hiệu lực do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt theo thẩm quyền; đồng thời cập nhật các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia được phê duyệt mới trong quá trình hoàn thiện và tổ chức thực hiện Đề án để bảo đảm đầy đủ phạm vi, tránh trùng lặp về mục tiêu, nội dung, sản phẩm và nguồn lực.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tái cấu trúc hệ thống các chương trình thuộc phạm vi Đề án thành 06 nhóm theo hướng tinh gọn, đồng bộ, phân định rõ mục tiêu, phạm vi và định hướng kết quả; bảo đảm liên thông từ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ đến ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm; tập trung nguồn lực làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược; cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chính sách, quản trị quốc gia, phát triển văn hóa, xã hội và con người Việt Nam; nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đồng thời bảo đảm liên thông với việc tổ chức thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số quốc gia theo pháp luật về chuyển đổi số, góp phần nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh, tự chủ công nghệ và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026 - 2030:

- 100% chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia thuộc phạm vi Đề án được theo dõi tiến độ, đánh giá kết quả và hiệu quả trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; thiết lập hệ thống theo dõi bộ chỉ tiêu đánh giá theo khung logic Đầu vào - Đầu ra - Hiệu quả - Tác động (Input - Output - Outcome - Impact, IOOI); từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu quản lý liên thông giữa các bộ, ngành, địa phương, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật chuyên ngành.

- Tối thiểu 40% nhiệm vụ có kết quả được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hoặc có công bố quốc tế uy tín (thuộc danh mục WoS/Scopus).

- Tối thiểu 50% nhiệm vụ đặt hàng được doanh nghiệp chủ trì hoặc phối hợp; trong đó, thu hút vốn đối ứng đạt tối thiểu 40% tổng kinh phí đối với các nhiệm vụ này.

- Hình thành 30 nhóm nghiên cứu mạnh đạt chuẩn khu vực; liên thông dữ liệu khoa học với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo có liên quan, trong đó, đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên có ít nhất 03 nhóm đạt trình độ dẫn dắt; tỷ lệ công bố trên các tạp chí Q1 thuộc Web of Science và hệ thống Nature Index tăng khoảng 1,5 lần so với mức trung bình giai đoạn 2021 - 2025 của từng lĩnh vực khoa học tương ứng; hình thành ít nhất 10 hướng nghiên cứu mới, trong đó tối thiểu 03 hướng có tiềm năng phát triển thành nền tảng công nghệ lõi, phấn đấu ít nhất 10% số nhiệm vụ thuộc các hướng nghiên cứu này có kết quả đủ điều kiện đăng ký sáng chế quốc tế hoặc có khả năng chuyển tiếp sang nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược.

- Hình thành tối thiểu 20 sản phẩm trọng điểm quốc gia và sản phẩm công nghệ chiến lược; phát triển tối thiểu 20 doanh nghiệp làm chủ công nghệ, sản phẩm công nghệ chiến lược, trong đó có tối thiểu 05 doanh nghiệp có sản phẩm tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

-Thành lập tối thiểu 250 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên cơ sở thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, phát triển sản phẩm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ tối thiểu 150 sản phẩm, dịch vụ, giải pháp khởi nghiệp sáng tạo tham gia thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng; hỗ trợ tối thiểu 150 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoàn thiện quy trình, phát triển sản phẩm mẫu đưa vào sản xuất; thu hút vốn đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo đạt tối thiểu bằng 100% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp thực hiện Chương trình quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo.

- Đổi mới quản trị chương trình theo mục tiêu, kết quả, hiệu quả và tác động; tăng cường tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình; nâng cao hiệu quả giám sát, đánh giá và quản trị rủi ro phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Giai đoạn 2031 - 2035:

- Tiếp tục duy trì 100% chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia thuộc phạm vi Đề án được theo dõi tiến độ, đánh giá kết quả và hiệu quả trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật chuyên ngành.

- Tỷ lệ nhiệm vụ có kết quả được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hoặc có công bố quốc tế uy tín đạt tối thiểu 50%.

- Tối thiểu 60% nhiệm vụ đặt hàng được doanh nghiệp chủ trì hoặc phối hợp; trong đó, thu hút vốn đối ứng đạt tối thiểu 50% tổng kinh phí đối với các nhiệm vụ này.

- Phát triển lũy kế ít nhất 50 nhóm nghiên cứu mạnh đạt chuẩn quốc tế (bao gồm việc duy trì, nâng cấp các nhóm của giai đoạn 2026 - 2030); liên kết thị trường thông qua các sàn giao dịch công nghệ toàn cầu, trong đó, đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên có ít nhất 10 nhóm đạt trình độ dẫn dắt trong khu vực và có ảnh hưởng học thuật quốc tế rõ nét; tỷ lệ công bố trên các tạp chí Q1 thuộc Web of Science và hệ thống Nature Index tăng khoảng 02 lần so với mức trung bình giai đoạn 2021 - 2025 của từng lĩnh vực khoa học tương ứng; hình thành thêm ít nhất 10 hướng nghiên cứu mới, trong đó tối thiểu 05 hướng có tiềm năng phát triển thành nền tảng công nghệ lõi; ít nhất 20% số nhiệm vụ thuộc các hướng nghiên cứu này có kết quả đủ điều kiện đăng ký sáng chế quốc tế hoặc có khả năng chuyển tiếp sang nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược.

- Hoàn thiện và thương mại hóa quy mô công nghiệp lũy kế tối thiểu 50 sản phẩm trọng điểm quốc gia và sản phẩm công nghệ chiến lược có sức cạnh tranh quốc tế; phát triển tối thiểu 30 doanh nghiệp làm chủ công nghệ, sản phẩm công nghệ chiến lược, trong đó có tối thiểu 10 doanh nghiệp có sản phẩm tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Thành lập tối thiểu 500 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên cơ sở thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, phát triển sản phẩm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ tối thiểu 300 sản phẩm, dịch vụ, giải pháp khởi nghiệp sáng tạo tham gia thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng; hỗ trợ tối thiểu 300 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoàn thiện quy trình, phát triển sản phẩm mẫu đưa vào sản xuất; thu hút vốn đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo đạt tối thiểu bằng 120% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp thực hiện Chương trình quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo.

IV. HỆ THỐNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH THUỘC PHẠM VI ĐỀ ÁN

1. Hệ thống các chương trình thuộc phạm vi Đề án giai đoạn 2026 - 2035 được tổ chức thành 06 nhóm: (1) Nhóm chương trình phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; (2) Nhóm chương trình nghiên cứu cơ bản; (3) Nhóm chương trình trọng điểm quốc gia; (4) Nhóm chương trình đổi mới sáng tạo quốc gia; (5) Nhóm chương trình quốc gia đặc biệt; (6) Nhóm chương trình chuyển đổi số quốc gia.

2. Việc tổ chức thành 06 nhóm quy định tại Quyết định này nhằm định hướng ưu tiên, tập trung nguồn lực, tăng cường liên thông, theo dõi, đánh giá và điều phối ở quy mô quốc gia; không làm phát sinh loại hình chương trình mới, cấp quản lý trung gian, hồ sơ hoặc thủ tục hành chính mới; không làm

thay đổi thẩm quyền xây dựng, thẩm định, phê duyệt, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình đã được pháp luật quy định. Các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia thuộc các nhóm được xây dựng, thẩm định, phê duyệt, quản lý và tổ chức thực hiện theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Việc phân định 06 nhóm chương trình được thực hiện theo các định hướng sau đây; mục tiêu, nội dung chính và kết quả dự kiến của từng nhóm là định hướng để xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả và xem xét phê duyệt chương trình mới thuộc nhóm:

a) Nhóm chương trình phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia

Mục tiêu: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tổ chức nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh, hạ tầng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật dùng chung nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển quốc gia.

Nội dung chính: Hỗ trợ phát triển nhân lực, nhóm nghiên cứu mạnh, tổ chức nghiên cứu mạnh, trung tâm nghiên cứu xuất sắc và các mô hình xuất sắc gắn với cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu; đầu tư, nâng cấp hạ tầng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Kết quả dự kiến: Nhóm nghiên cứu đạt trình độ khu vực và quốc tế; mạng lưới hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đầu tư đồng bộ, khai thác hiệu quả; hạ tầng dùng chung có hiệu suất cao, hoạt động hiệu quả.

b) Nhóm chương trình nghiên cứu cơ bản

Mục tiêu: Tạo ra tri thức mới, phát triển nền tảng khoa học quốc gia, cung cấp luận cứ khoa học cho hoạch định đường lối, chính sách và tạo nền tảng cho phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược.

Nội dung chính: Thực hiện nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu cơ bản định hướng theo các ưu tiên quốc gia trong khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn.

Kết quả dự kiến: Công bố khoa học uy tín, phát hiện khoa học mới, sách chuyên khảo, cơ sở dữ liệu khoa học, kiến nghị chính sách, nhân lực khoa học trình độ cao, tài sản trí tuệ phát sinh từ nghiên cứu và kết quả có khả năng chuyển tiếp sang giai đoạn ứng dụng, phát triển công nghệ, phát triển công nghệ chiến lược.

c) Nhóm chương trình trọng điểm quốc gia

Mục tiêu: Tập trung nguồn lực giải quyết các bài toán khoa học và công nghệ lớn, liên ngành, liên lĩnh vực, có tác động quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quản trị quốc gia, văn hóa, xã hội, con người và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Nội dung chính: Tổ chức các chương trình, cụm nhiệm vụ và nhiệm vụ liên ngành, liên lĩnh vực nhằm nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ, mô hình, giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý và giải pháp xã hội phục vụ giải quyết các bài toán trọng điểm quốc gia.

Kết quả dự kiến: Quy trình công nghệ; hệ thống giải pháp đồng bộ; sản phẩm trọng điểm; mô hình thí điểm; báo cáo tư vấn chính sách; bộ tiêu chí, bộ chỉ số; cơ sở dữ liệu; tiêu chuẩn, quy chuẩn và công cụ quản lý được ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn.

d) Nhóm chương trình đổi mới sáng tạo quốc gia

Mục tiêu: Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thông qua việc ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ; xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật; xác lập, bảo hộ, quản lý và khai thác quyền sở hữu trí tuệ; phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

Nội dung chính: Tổ chức triển khai các chương trình, nhiệm vụ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, tài sản trí tuệ, năng suất và chất lượng; hỗ trợ chuỗi hoạt động từ hoàn thiện, kiểm chứng, ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ và đổi mới công nghệ đến phát triển sản phẩm, thương mại hóa và mở rộng thị trường; đồng thời phát triển hệ sinh thái, tổ chức trung gian và các điều kiện nền tảng phục vụ đổi mới sáng tạo, ưu tiên các ngành, lĩnh vực, công nghệ chiến lược và các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Kết quả dự kiến: Công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hoàn thiện, kiểm chứng, chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa; doanh nghiệp nâng cao năng lực ứng dụng, làm chủ và đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thị trường khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo được phát triển; tài sản trí tuệ được tạo lập, bảo hộ, quản lý, khai thác và thương mại hóa; tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật và các điều kiện nền tảng phục vụ đổi mới sáng tạo được phát triển, góp phần thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

đ) Nhóm chương trình quốc gia đặc biệt

Mục tiêu: Tập trung nguồn lực triển khai chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt và chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược. Chương trình quốc gia đặc biệt tập trung vào các mục tiêu có quy mô lớn, ý nghĩa đặc biệt đối với phát triển công nghệ chiến lược, nghiên cứu chiến lược và chính sách có giá trị lớn, dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa trong nước, quốc phòng và an ninh; chương trình phát triển công nghệ chiến lược tập trung làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.

Nội dung chính: Tổ chức các chương trình, nhiệm vụ quy mô lớn theo mục tiêu của chương trình quốc gia đặc biệt; đồng thời triển khai chuỗi nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, hoàn thiện, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược; xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các điều kiện kỹ thuật trực tiếp phục vụ làm chủ, ứng dụng, sản xuất và thương mại hóa công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược. Các chương trình thuộc nhóm được áp dụng cơ chế đầu tư, tài chính, quản lý đặc thù và quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật.

Kết quả dự kiến: Kết quả nghiên cứu chiến lược, chính sách có giá trị lớn được sử dụng; giải pháp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, quốc phòng và an ninh; công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược được làm chủ, ứng dụng, thương mại hóa; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và điều kiện kỹ thuật phục vụ công nghệ, sản phẩm chiến lược được hoàn thiện; hình thành năng lực thiết kế, chế tạo, tích hợp, sản xuất trong nước và tài sản trí tuệ của Việt Nam.

e) Nhóm chương trình chuyển đổi số quốc gia

Mục tiêu: Tổ chức thực hiện các mục tiêu, định hướng của Chiến lược quốc gia về Chuyển đổi số và Chương trình Chuyển đổi số quốc gia; thúc đẩy chuyển đổi số đồng bộ, liên thông trên phạm vi quốc gia, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và nâng cao năng lực quản trị quốc gia trên môi trường số.

Nội dung chính: Chương trình Chuyển đổi số quốc gia là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động chuyển đổi số, bao gồm nhiệm vụ liên ngành, liên vùng, do cơ quan quản lý nhà nước về chuyển đổi số xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành theo từng thời kỳ, phù hợp với Chiến lược quốc gia về Chuyển đổi số. Kế hoạch chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương được xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện theo pháp luật về chuyển đổi số.

Kết quả dự kiến: Các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ của Chương trình Chuyển đổi số quốc gia được triển khai đồng bộ; tăng cường liên thông, phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương; nâng cao hiệu quả hoạt động trên môi trường số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn, an ninh trong chuyển đổi số.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng, phê duyệt và triển khai các chương trình thuộc 06 nhóm chương trình

Xây dựng, phê duyệt và triển khai các chương trình thuộc 06 nhóm theo đúng mục tiêu, phạm vi, định hướng kết quả và pháp luật áp dụng đối với từng loại chương trình; bảo đảm tính liên thông, kế thừa, bổ trợ lẫn nhau, tránh trùng lặp và phân tán nguồn lực; trước khi phê duyệt chương trình, nhiệm vụ mới phải rà soát, đối chiếu với các chương trình, nhiệm vụ đang còn hiệu lực; không làm phát sinh thêm cấp quản lý, hồ sơ hoặc thủ tục hành chính ngoài quy định của pháp luật. Việc phê duyệt chương trình mới phải bảo đảm phù hợp với mục tiêu, phạm vi và định hướng kết quả của nhóm; có sự cần thiết, không trùng lặp; xác định rõ mục tiêu, nội dung, sản phẩm đầu ra, chỉ tiêu đánh giá và nguồn lực thực hiện; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và không dàn trải.

2. Đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý chương trình

a) Xác định rõ mục tiêu, nội dung, nguồn lực, sản phẩm đầu ra, kết quả và tác động dự kiến của từng chương trình.

b) Gắn mục tiêu chương trình với phương thức tổ chức, nguồn lực thực hiện và cơ chế phối hợp; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm đầu ra, thời gian hoàn thành và trách nhiệm triển khai.

c) Xây dựng tiêu chí, chỉ tiêu và chỉ số đánh giá hiệu quả theo kết quả đầu ra phù hợp với đặc thù từng chương trình, từng nhóm; áp dụng khung logic Đầu vào - Đầu ra - Hiệu quả - Tác động (Input - Output - Outcome - Impact, IOOI) và các chỉ số chuyên ngành phù hợp; bảo đảm khả năng đo lường, kiểm tra, giám sát và sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh mục tiêu, nội dung và nguồn lực.

d) Rà soát, kiện toàn Ban chủ nhiệm chương trình, Ban chủ nhiệm nhóm chương trình hoặc cơ chế tư vấn, điều phối chuyên môn tương đương theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp; không hình thành cấp quản lý trung gian và không thay thế thẩm quyền của cơ quan quản lý chương trình.

3. Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp và liên kết hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo

a) Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đề xuất nhiệm vụ, đặt hàng, tài trợ, đồng tài trợ, chủ trì hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Tăng cường liên kết giữa Nhà nước, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, quỹ và nhà đầu tư; phát huy vai trò nòng cốt của viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học trong tạo lập tri thức, phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và nguồn nhân lực chất lượng cao; phát huy vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong ứng dụng, đổi mới, tiếp nhận và thương mại hóa kết quả.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ, cải tiến, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng; phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

4. Thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu

a) Hỗ trợ hoàn thiện công nghệ, đánh giá mức độ sẵn sàng công nghệ, xác lập, bảo hộ, quản lý và khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; ưu tiên kết quả có khả năng ứng dụng và tạo giá trị gia tăng.

b) Hỗ trợ xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các giải pháp bảo đảm đo lường, truy xuất nguồn gốc, đánh giá sự phù hợp và các điều kiện cần thiết để đưa công nghệ, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ mới vào thực tiễn.

c) Phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, nền tảng kết nối cung - cầu công nghệ và các biện pháp thúc đẩy giao dịch công nghệ.

d) Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện cơ chế theo dõi kết quả sau khi nhiệm vụ kết thúc để lựa chọn, hỗ trợ tiếp tục đối với các kết quả có tiềm năng ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

5. Phát triển tiềm lực, hạ tầng, dữ liệu và nền tảng số

a) Ưu tiên phát triển các tổ chức nghiên cứu mạnh và đầu tư, nâng cấp, khai thác hiệu quả các phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, sàn giao dịch khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

b) Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chất lượng cao; hình thành nhóm nghiên cứu mạnh.

c) Phát triển hạ tầng dữ liệu, cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia và hệ thống thông tin quản lý; bảo đảm kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu với các hệ thống thông tin có liên quan, không yêu cầu cập nhật trùng lặp và tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

d) Số hóa quy trình quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; bảo đảm công khai, minh bạch đối với thông tin được phép công khai; tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật có liên quan.

6. Cơ chế tài chính và huy động nguồn lực

a) Bố trí nguồn lực tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với mục tiêu, tính chất, mức độ ưu tiên, kết quả đầu ra và khả năng tạo tác động của từng chương trình; ưu tiên các bài toán lớn của đất nước, công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và kết quả có khả năng ứng dụng, thương mại hóa.

b) Thực hiện cơ chế khoán chi, hậu kiểm và các cơ chế tài chính phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

c) Huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, nguồn xã hội hóa, hợp tác quốc tế và các nguồn hợp pháp khác; khuyến khích cơ chế đồng đầu tư, đồng tài trợ và chia sẻ rủi ro theo quy định của pháp luật.

7. Theo dõi, giám sát và đánh giá chương trình

a) Thực hiện đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, cuối kỳ và tác động đối với từng chương trình theo quy định của pháp luật.

b) Tăng cường sự tham gia của chuyên gia, tổ chức tư vấn và hội đồng đánh giá độc lập; bảo đảm khách quan, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

c) Sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ điều chỉnh mục tiêu, nội dung, cơ chế thực hiện, phân bổ nguồn lực và xem xét tiếp tục, điều chỉnh, hợp nhất hoặc kết thúc chương trình theo thẩm quyền.

VI. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Nguồn lực thực hiện Đề án gồm ngân sách nhà nước; nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; nguồn xã hội hóa, hợp tác quốc tế và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước được bố trí theo khả năng cân đối, bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với mục tiêu, mức độ ưu tiên, kết quả đầu ra và khả năng tạo tác động của từng chương trình.

3. Khuyến khích huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, cơ chế cùng tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp và chia sẻ rủi ro; tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong tài trợ, đề xuất đặt hàng, chủ trì hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối tổ chức triển khai Đề án; hướng dẫn, điều phối, theo dõi, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp tình hình thực hiện; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tổ chức đánh giá giữa kỳ Đề án vào năm 2030, tổng kết Đề án vào năm 2035 và đề xuất điều chỉnh khi cần thiết.

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia theo quy định của pháp luật; tập trung rà soát, tổ chức lại các chương trình thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và chương trình do Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý theo khung 06 nhóm trong năm 2026; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ đã được phê duyệt thuộc các chương trình do Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Xây dựng, hướng dẫn áp dụng tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá theo khung logic Đầu vào - Đầu ra - Hiệu quả - Tác động (IOOI) phù hợp với từng nhóm chương trình, làm căn cứ theo dõi, đánh giá và xem xét phê duyệt chương trình mới trong quý I năm 2027; xây dựng, quản lý, vận hành nền tảng số phục vụ quản lý, theo dõi và đánh giá các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong năm 2026; thực hiện kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu với các hệ thống có liên quan, không làm phát sinh chế độ báo cáo hoặc yêu cầu cập nhật dữ liệu trùng lặp.

d) Rà soát, kiện toàn Ban chủ nhiệm chương trình, Ban chủ nhiệm nhóm chương trình hoặc cơ chế tư vấn, điều phối chuyên môn tương đương đối với các chương trình thuộc phạm vi quản lý theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, rõ chức năng, trách nhiệm; bảo đảm không hình thành cấp quản lý trung gian trong năm 2026.

đ) Hướng dẫn, phối hợp theo dõi kết quả sau khi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo kết thúc; tổng hợp, lựa chọn các kết quả có tiềm năng để tiếp tục hỗ trợ hoàn thiện công nghệ, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Tài chính

Chủ trì tổng hợp, cân đối, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình, nhiệm vụ thuộc Đề án trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan liên quan, khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính, ngân sách theo thẩm quyền.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan khác ở trung ương

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu phát triển ngành, lĩnh vực, chủ động rà soát các chương trình thuộc phạm vi quản lý; đánh giá tình hình triển khai, sự cần thiết, hiệu quả, mức độ giao thoa, trùng lặp và phương án thực hiện trong thời gian tới; quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc tiếp tục, điều chỉnh, tích hợp, thay thế hoặc kết thúc chương trình theo đúng thẩm quyền; đồng thời xây dựng, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chương trình mới theo quy định của pháp luật và các nguyên tắc, tiêu chí tại khoản 1 Mục V Điều 1 Quyết định này trong năm 2026.

b) Tổ chức thực hiện, quản lý, theo dõi và đánh giá chương trình, nhiệm vụ thuộc phạm vi được giao; bố trí, huy động nguồn lực; theo dõi kết quả sau khi nhiệm vụ kết thúc, lựa chọn và tổ chức hỗ trợ chuyển tiếp các kết quả có tiềm năng sang hoàn thiện công nghệ, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa; cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

c) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng, cập nhật bộ chỉ tiêu, cung cấp dữ liệu và đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động của chương trình; bảo đảm không trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, dữ liệu, chế độ báo cáo và nguồn lực.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

Phối hợp với các bộ, cơ quan trong xác định nhu cầu, đề xuất nhiệm vụ, ứng dụng và nhân rộng kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn; huy động nguồn lực hợp pháp và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương theo quy định của pháp luật; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan theo yêu cầu quản lý chương trình quốc gia.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định này không áp dụng đối với các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia do Bộ Chính trị, Ban Bí thư đặt hàng.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Quốc Dũng